TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 72/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13-8-2018
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

2. Bà Nguyễn Thị Rạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 13 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 448/2018/TLST-HNGĐ, ngày 24/4/2018 về việc "*ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 225/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01/8/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Bé M, sinh năm 1989, (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trương Quang Đ, sinh năm 1990, (xin vắng mặt)

Cùng trú tại: Ấp X, xã Y, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/4/2018 và tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Đoàn Thị Bé M trình bày tóm tắt như sau:

Bà và ông Đ có tìm hiểu nhau sau đó tiến tới hôn nhân, được hai bên tổ chức lễ cưới hỏi năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An ngày 12/4/2010. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc cho đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, bà và ông Đ ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với ông Trương Quang Đ.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Trương Quang K, sinh ngày 09/6/2011, hiện đang sống với ông Đ, khi ly hôn bà đồng ý để con cho ông Đ tiếp tục nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà m xác định, tài sản chung bà và ông Đ không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ cho: Bà và ông Đ không có nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn ông Trương Quang Đ được Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đ không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà M. Ông Đ cũng không đến Tòa để tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bà M, bà có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải vụ án. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Hồ Tấn Đ có đơn xin được xét xử vắng mặt. Căn cứ tại điểm b khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Bà Đoàn Thị Bé M và ông Trương Quang Đ cưới nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Đức Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/4/2010 (số 74/2010) nên quan hệ hôn nhân của bà M và ông Đ được pháp luật thừa nhận là hợp pháp từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Bà M cho rằng cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc là do ông Đ không quan tâm chăm sóc gia đình nên mới xin ly hôn. Ông Đ được tống đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án thể hiện việc bà M yêu cầu xin ly hôn với ông tại Tòa án nhưng ông Đ không có ý kiến, không thể hiện ý chí đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên Tòa bà M xác định không còn tình cảm với ông Đ và cương quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận theo đơn yêu cầu ly hôn của bà Đoàn Thị Bé M đối với ông Trương Quang Đ.

[3] Về quyền nuôi con chung: Khi ly hôn bà M đồng ý giao cháu Trương Đăng K, sinh ngày 09/6/2011, cháu K hiện nay sống với ông Đ để ông Đ tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Bà M không cấp dưỡng nuôi con.

Về việc nuôi con ông Đ không có ý kiến phản hồi về quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con con, xét thấy ông Đ hiện đang nuôi cháu K khỏe mạnh và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử giao cháu K cho ông Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà M xác định bà và ông Đ không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Đ không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung giữa các bên. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung của bà M và ông Đ.

Trường hợp sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung cũng như quyền nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đoàn Thị Bé M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28 Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 86 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Bé M đối với ông Trương Quang Đ.

Về hôn nhân: Bà Đoàn Thị Bé M được ly hôn với ông Trương Quang Đ.

Về quyền nuôi con chung: Ông Trương Quang Đ được quyền trực tiếp nuôi cháu Trương Đăng K, sinh ngày 09/6/2011. Bà Đoàn Thị Bé M không cấp dưỡng nuôi con.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Bà Đoàn Thị Bé M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, sung công quỹ nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002713, ngày 23/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết công khai bản án.

"Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An
- VKSND huyện Đức Hòa
- Chi cục Thi hành án.
- UBND xã Đức Hòa Thượng
- Đương sự;
- Lưu HS, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Văn Tài